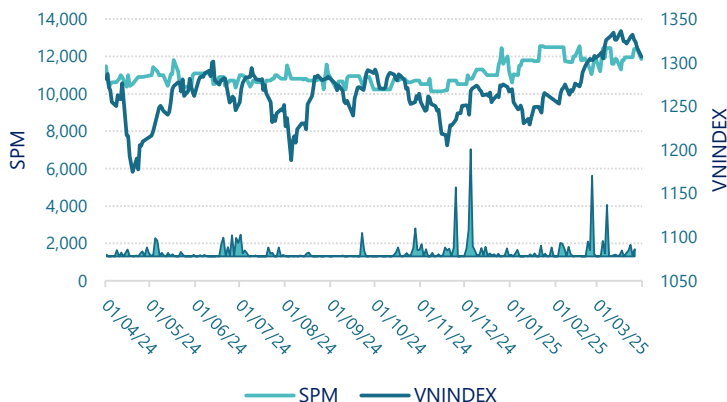


CTCP S.P.M (HSX: SPM)
Lịch sử giá

Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,550
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,131
SL cổ phiếu LH	13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	695
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	163
P/E	19.9
EPS	595

DT thuần

Q1/25

82.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.30 | 12.7%

YoY: ▲ 3.60 | 4.6%

LN sau thuế

Q1/25

3.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 7.05 | -69.1%

YoY: ▲ 1.89 | 150%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.9%

+/- YoY: ▼ 3.1%

DT thuần

2024

298

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 108 | -26.7%

LN sau thuế

2024

4.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 7.48 | -61.9%

ROE

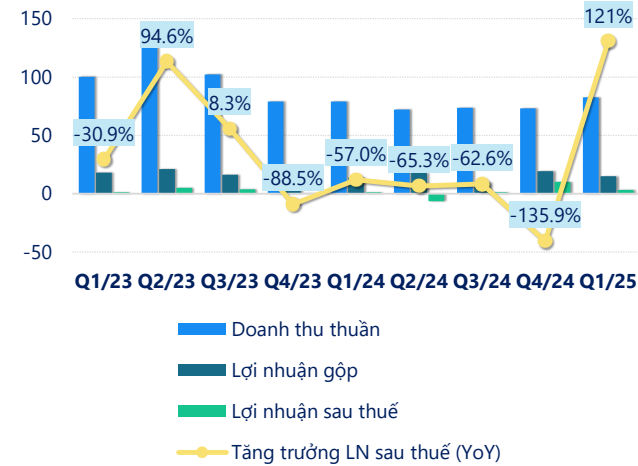
2024

0.6%

+/- YoY: ▼ 0.9%

tỷ VNĐ

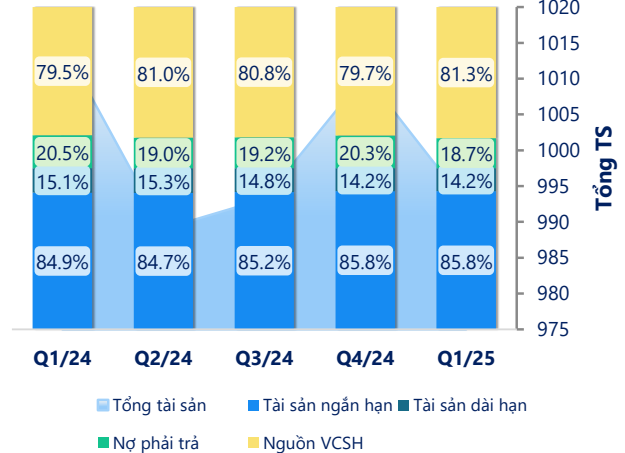
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

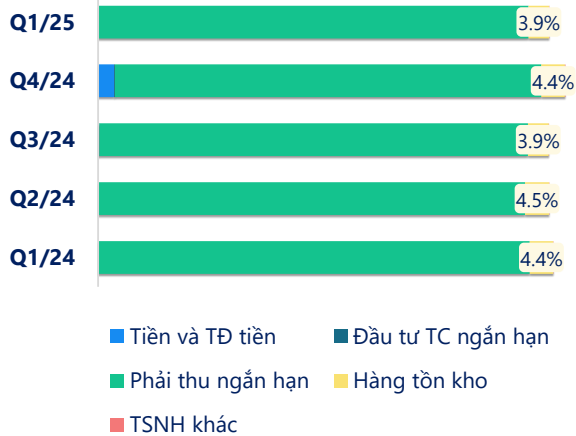
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



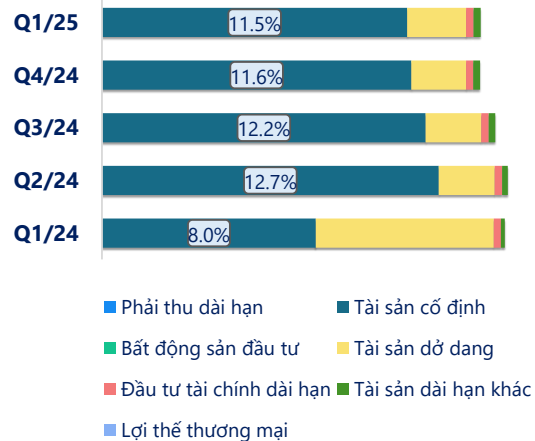
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

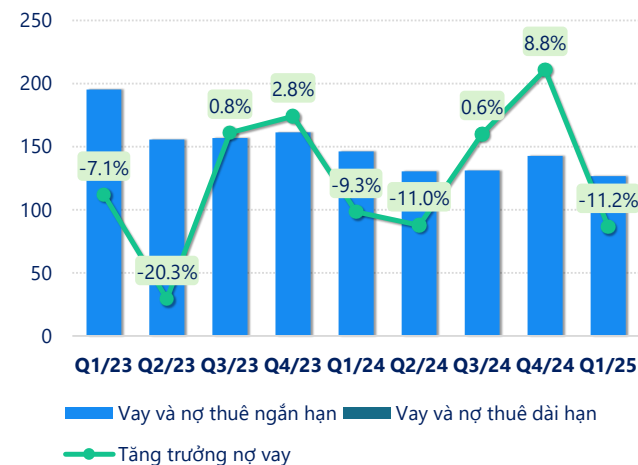
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



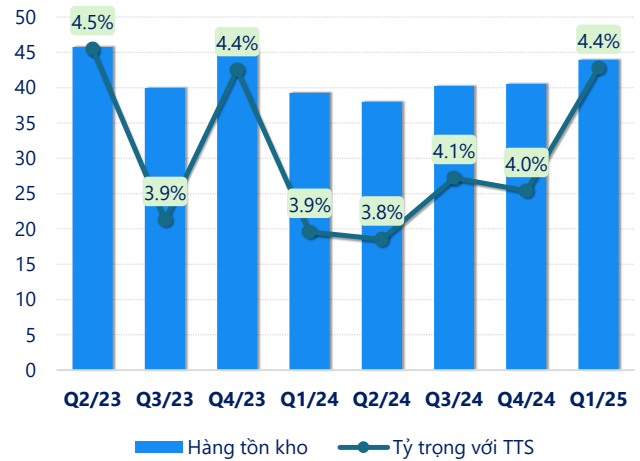
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

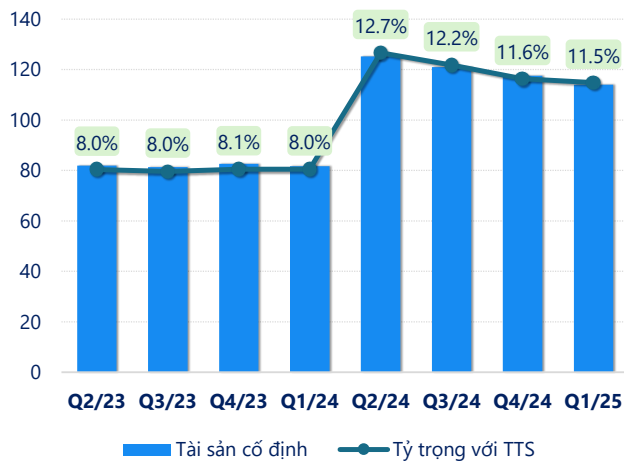

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


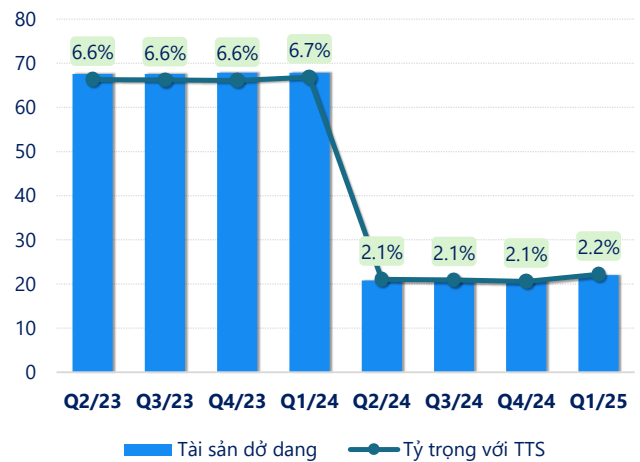
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

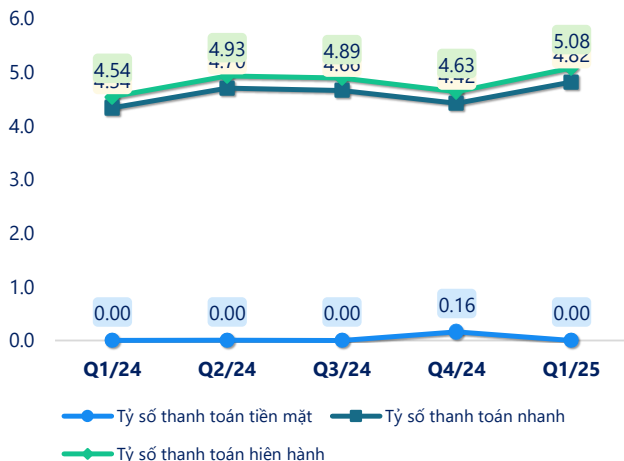
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

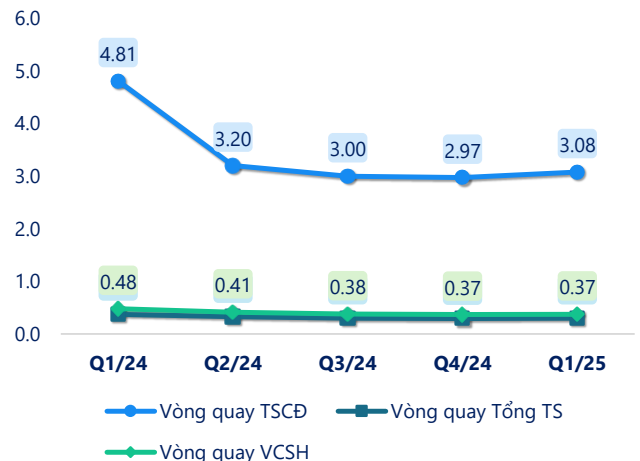
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,015	989	993	1,011	993
Tài sản ngắn hạn	861	838	846	867	851
Tiền và tương đương tiền	0.36	0.55	0.41	30.1	0.38
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	821	799	802	796	805
Hàng tồn kho	39.3	38.0	40.3	40.5	43.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.11	0.42	3.55	0.47	1.68
Tài sản dài hạn	154	151	147	144	141
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	81.7	125	121	118	114
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	67.9	20.8	20.8	20.8	22.0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Tài sản dài hạn khác	1.46	2.12	2.48	2.59	2.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	208	188	191	205	186
Nợ ngắn hạn	190	170	173	187	168
Vay và nợ thuê ngắn hạn	146	130	131	143	127
Phải trả người bán ngắn hạn	21.4	22.6	22.6	25.9	23.2
Nợ dài hạn	18.0	18.0	18.0	18.0	18.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	807	801	802	805	807
Vốn chủ sở hữu	807	801	802	805	807
Vốn điều lệ	140	140	140	140	140
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)